

Bản án số: 341/2023/DS-PT

Ngày: 17-8-2023

V/v tranh chấp quyền về lối đi qua

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Bà Nguyễn Thị Rên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Lê Thị Hồng Vân
– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 7 năm 2023 về “*Tranh chấp quyền về lối đi qua*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS – ST ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2438/2023/QĐ – PT ngày 01 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947.

Địa chỉ: số nhà D, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Bà Trần Thị Thu C, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre;

- Bà Phan Thị Hồng H1, sinh năm 1984. Địa chỉ: số nhà I đường N, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị N, sinh năm 1953

Địa chỉ: số nhà D, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1954. Địa chỉ: số nhà G, N, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người kháng cáo:* nguyên đơn Nguyễn Thị H, bị đơn Ngô Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là bà Trần Thị Thu C trình bày:

Bà là chủ sử dụng thửa đất 268, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Thửa đất của bà bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề khác, từ phần đất của bà để ra đường công cộng phải qua thửa đất 277, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre của bà Ngô Thị N. Lối đi này đã được hình thành từ lâu, bốn đời gia đình bà đều sử dụng lối đi này. Bà xác định đây là lối đi duy nhất, không còn lối đi nào khác ra lộ công cộng. Hiện nay bà N đã dùng lưới B40 rào chắn lối đi này, bà có đơn gửi ban hòa giải xã giải quyết vào ngày 23/6/2021 và làm đơn cầu cứu khẩn cấp vì bà sức khỏe không tốt thường xuyên đi bệnh viện, nhưng bà N vẫn không đồng ý mở lối đi cho bà. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà N mở lối đi có chiều ngang 3m và chiều dài 1,5m thuộc một phần thửa đất 277, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi đo đạc thực tế lối đi bà yêu cầu có diện tích là 8,2m² thuộc thửa 277-1, 277-2, tờ bản đồ số 8. Bà đồng ý bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất phần lối đi cho bà N theo giá Hội đồng định giá đã định.

Trước đây, bà có cho bà N đi nhờ lối đi trên thửa số 268, tờ bản đồ số 8, tọa lạc xã T của bà để đi vào vườn nhà bà N ở phía trong, gia đình bà N đã sử dụng lối đi này từ lâu nhưng đây chỉ là lối đi tắt để vào vườn. Bà N1 vẫn còn lối đi chính khác là đi từ lộ công cộng qua đất của khoảng 04 hộ dân khác: hộ ông Ba T, ông V... thì đến vườn của bà N1 nên bà không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của bà N1. Khi làm lộ ĐA03, do mất trộm nên bà đã xây tường rào bao cả thửa đất bao gồm cả lối đi tắt phía bà N1 sử dụng để bảo quản tài sản. Từ khi bà rào lối đi trên thửa 268 thì bà N1 cũng kéo hàng rào lưới B40 trên phần lối đi thuộc thửa 277 dẫn đến bà không còn lối đi ra đường công cộng.

Bà đồng ý với kết quả đo đạc, định giá của Tòa án.

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Ngô Thị N là bà Ngô Thị M trình bày:

Gia đình bà có sử dụng lối đi qua phần đất thuộc thửa 268 của bà H để đi vào vườn, lối đi này tồn tại hơn 70 năm, nhiều hộ dân ở phía bên trong cũng đã sử dụng lối đi này. Đến năm 2020, khi làm lộ ấp T, xã T thì bà H xây hàng rào để rào lối đi

không cho gia đình bà đi, phía bà phải đi đường vòng và đi xa mới tới vườn. Gia đình bà H cũng sử dụng lối đi qua phần đất của bà thuộc thửa 277 để đi ra lộ ấp T, lối đi này có chiều ngang khoảng 1,5m và chiều dài khoảng 2,5m. Do bà H rào lối đi trên thửa 268 nên bà cũng rào lối đi thửa 277 nhưng bà vẫn chừa cho bà H lối đi chiều ngang khoảng 1m để đi vào nhà. Nếu bà H đồng ý mở lối đi trên thửa 268 cho bà đi vào vườn, lối đi bà H mở có chiều ngang bao nhiêu mét thì bà sẽ đồng ý mở lối đi cho bà H trên thửa 277 có chiều ngang tương đương. Trường hợp bà H không đồng ý thì bà cũng không đồng ý mở lối đi trên thửa 277. Theo bà cả hai lối đi trên thửa 277 và thửa 268 hai bên đã sử dụng khoảng 70 năm nay, đây là lối đi chính, thuận tiện nhất để hai bên ra lộ công cộng.

Căn cứ theo kết quả đo đạc, bà yêu cầu bà H mở lối đi có diện tích 149m², chiều ngang 3m, thuộc một phần thửa đất số 268, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre và đồng ý bồi hoàn giá trị đất, cây trồng trên đất cho bà H theo giá mà Hội đồng định giá đã định. Bà đồng ý với kết quả đo đạc, định giá. Riêng đối với phần tường rào thì bà không đồng ý bồi hoàn giá trị cho bà H vì khi gia đình bà H tiến hành xây dựng bà đã ngăn cản và trình báo Công an xã để ngăn chặn nhưng gia đình bà H vẫn cố tình xây dựng, bà H phải tự chịu trách nhiệm đối với phần tường rào này.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 09/6/2023, bà xác định chỉ yêu cầu bà H mở lối đi có chiều ngang 2m sát vị trí bà đã yêu cầu mở lối đi tại thửa 268-1, nếu bà H đồng ý thì bà sẽ mở lối đi cho bà H qua thửa 277 có chiều ngang 03m theo kết quả đo đạc. Bà chỉ đồng ý bồi hoàn giá trị cây trồng trên phần đất bà H mở lối đi, không đồng ý bồi hoàn giá trị đất và giá trị hàng rào trên phần đất mở lối đi. Trường hợp bà H không đồng ý mở lối đi cho bà thì bà cũng không đồng ý mở lối đi cho bà H vì từ phần đất của bà H có thể đi qua phần đất của bà Phan Thị Mỹ H2 là ra đến phần lộ đá giáp với thửa đất của bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định:

1. Buộc bà Ngô Thị N tháo dỡ hàng rào trụ bê tông cốt thép chôn, lưới B40, mở lối đi cho bà Nguyễn Thị H trên phần đất có tổng diện tích là 8,2m² gồm các thửa có ký hiệu thửa 277-1, 277-2 thuộc một phần thửa đất số 277, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Ngô Thị N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất mở lối đi có tứ cận như sau: hướng Bắc, hướng Nam giáp phần đất còn lại của bà N, hướng Đông giáp phần đất của bà H, hướng Tây giáp đường đi (đường lộ ấp).

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

2. Bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm đền bù giá trị phần đất yêu cầu mở lối đi cho bà Ngô Thị N số tiền là 8.400.000 đồng.

3. Buộc bà Nguyễn Thị H tháo dỡ hàng rào xây gạch lửng <1m, trụ bê tông chôn (phía trên còn trống), mở lối đi cho bà Ngô Thị N trên phần đất có tổng diện tích là 99,5m² thuộc thửa 268-1-1 thuộc một phần thửa đất số 268, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã T, huyện C tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất mở lối đi có tứ cận như sau: hướng Bắc giáp phần đất của ông K và ông P, hướng Nam giáp phần đất còn lại của bà H, hướng Đông giáp phần đất của bà H2, hướng Tây giáp phần đất của bà N.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Bà Nguyệt có trách nhiệm tự cải tạo, san lấp phần ruộng trên phần đất được mở lối đi để tạo lối đi.

4. Bà Ngô Thị N phải có trách nhiệm đền bù giá trị phần đất và tài sản trên phần đất được mở lối đi cho bà Nguyễn Thị H là 103.363.200 đồng.

Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất đối với bà Nguyễn Thị H, bà Ngô Thị N đối với phần diện tích làm lối đi, giới hạn chiều cao lối đi là 3m tính từ mặt đất.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng khác, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/6/2023, nguyên đơn Nguyễn Thị H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu mở lối đi của bà Ngô Thị N.

Ngày 26/6/2023, bị đơn Ngô Thị N kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, buộc 2 bên cùng mở lối đi và không phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho nhau.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo. Sau khi bà H xây tường rào toàn bộ thửa 268 thì phía gia đình bà N sử dụng lối đi khác để vào đất vườn, lối đi này tuy dài, qua đất của nhiều hộ dân nhưng đây là lối đi chung đã được đổ bê tông, nhiều người sử dụng. Đồng thời, lối đi trên đất bà H chỉ là lối đi tạm, đường đất và nếu mở lối đi thì sẽ có nhiều người qua lại, bà H lớn tuổi sẽ khó khăn trong việc quản lý tài sản. Do đó, nguyên đơn không đồng ý mở lối đi cho bị đơn trên thửa 268.

Người đại theo uỷ quyền của bị đơn trình bày: bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Bà N1 yêu cầu dời vị trí lối đi mở trên thửa 268 vào phía trong và bà không phải bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho bà H vì hai bên đều phải mở lối đi, bà cũng không yêu cầu bà H bồi hoàn tiền cho bà. Nếu bà H không đồng ý mở lối đi cho bà thì bà cũng không mở lối đi cho bà H, ngoài lối đi trên thửa 277 thì gia đình bà H vẫn có thể đi qua đất của bà Phan Thị Mỹ H2, tháo dỡ tường rào để ra đường công cộng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: nguyên đơn, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị H, bị đơn Ngô Thị N, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà H là chủ sử dụng thửa đất số 268, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, trên đất có nhà của bà. Thửa 268 bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề, không có lối đi nào khác để đi ra đường công cộng.

Căn cứ họa đồ hiện trạng sử dụng đất, lối đi bà H yêu cầu bà N mở có diện tích 8,2m² thuộc thửa 277-1, 277-2, bà N cũng xác định từ trước đến nay bà vẫn đồng ý cho bà H sử dụng lối đi này nhưng vì bà H rào lối đi trên thửa 268 nên bà mới rào lối đi trên thửa 277. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà N đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của bà H nếu bà H chấp nhận yêu cầu mở lối đi trên thửa 268. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà H buộc bà N mở lối đi có diện tích 8,2m² thuộc các thửa 277-1, 277-2 là phù hợp với quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự, bà N không kháng cáo đối nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị H không đồng ý mở lối đi trên thửa 268 theo yêu cầu của bị đơn Ngô Thị N:

Theo bà N, từ phần đất vườn của bà để ra đường lộ ĐA03, bà phải đi qua phần đất của bà Phan Thị Mỹ H2 và phần đất thuộc thửa 268 của bà H. Lối đi này gia đình

bà sử dụng từ rất lâu, không có tranh chấp, đến năm 2020 bà H xây hàng rào rào lối đi không cho gia đình bà sử dụng. Do đó, bà yêu cầu bà H mở lối đi diện tích 99,5m², thuộc thửa 268-1-1, thuộc một phần thửa 268.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận trước đây bà có cho bà N đi nhờ qua phần đất của bà thuộc thửa số 268, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre để đi vào vườn. Gia đình bà N đã sử dụng lối đi này từ lâu, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nay bà H không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của bà N vì cho rằng bà N có lối đi khác là lối đi chính để đi vào vườn, từ lộ công cộng qua đất của khoảng 04 hộ dân khác là đến vườn của bà N, còn lối đi trên thửa 268 là lối đi tắt.

Tuy nhiên, qua kết quả xác minh của Toà án cấp sơ thẩm thể hiện lối đi bà N yêu cầu mở đã có từ lâu và là lối đi thuận tiện nhất của bà để từ vườn ra lộ công cộng, nếu không sử dụng lối đi trên thửa 268 bà N phải đi vòng xa mới đến được phần đất vườn, lối đi này hẹp và bị sụt lún nên không thuận tiện cho việc quản lý, canh tác.

Như vậy, mặc dù bà N còn có lối đi khác để đi vào vườn, nhưng lối đi này không phải là lối đi thuận tiện nhất vì cách xa lộ công cộng và còn phải qua đất của nhiều chủ sử dụng đất khác, bà H cũng thừa nhận điều này. Trong khi đó, lối đi bà N yêu cầu mở là lối đi thuận tiện và hợp lý nhất, chỉ phải qua đất của 02 chủ sử dụng là bà H và bà H2 ít gây thiệt hại hơn so với qua đất của nhiều chủ sử dụng, bà H2 cũng có ý kiến đồng ý cho bà N sử dụng phần lối đi qua đất của bà, không tranh chấp. Đồng thời, căn cứ họa đồ hiện trạng sử dụng đất, phần đất bà N yêu cầu mở lối đi thuộc thửa 268-1-1 có vị trí nằm cập mép ranh của thửa số 268 và các thửa số 263, 266 nên không chia tách thửa đất của bà H, hạn chế ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng đất.

Ngoài ra, bà H và bà N là 02 chủ sử dụng đất có mối quan hệ phụ thuộc qua lại là đi nhờ qua đất của nhau để ra đường công cộng, việc sử dụng lối đi ổn định trong thời gian dài, không xảy ra tranh chấp. Bà N1 cũng đồng ý mở lối đi trên thửa 277 cho gia đình bà H để ra đường công cộng. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N1 buộc bà H mở lối đi có diện tích 99,5m², thuộc thửa 268-1-1 là phù hợp đảm bảo tính công bằng và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc đi lại của hai bên. Do đó, kháng cáo của bà H không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bà Ngô Thị N không đồng ý bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H:

Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 254 Bộ luật Dân sự “Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Trong quá trình giải quyết vụ án, giữa bà H và bà N không có thỏa thuận về việc đền bù khi mở lối đi. Đồng thời, diện tích phần đất mở lối đi trên thửa 277, thửa 268 cũng như hiện trạng tài sản trên hai lối đi này khác nhau, có sự chênh lệch lớn vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải đền bù cho bà N $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất phần đất mở lối đi là 8.200.000 đồng, buộc bà N đền bù cho bà H $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất và giá trị cây trồng với số tiền 103.363.200 đồng là phù hợp. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bà H.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Kháng cáo không được chấp nhận nên bà H, bà N phải chịu án phí phúc thẩm nhưng do các bà thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị H.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngô Thị N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 254 Bộ luật Dân sự; Điều 171 Luật Đất đai Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Buộc bà Ngô Thị N tháo dỡ hàng rào trụ bê tông cốt thép chôn, lưới B40, mở lối đi cho bà Nguyễn Thị H trên phần đất có tổng diện tích là 8,2m² gồm các thửa có ký hiệu thửa 277-1, 277-2 thuộc một phần thửa đất số 277, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Ngô Thị N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất mở lối đi có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của bà N;
- Hướng Nam giáp phần đất còn lại của bà N;

- Hướng Đông giáp phần đất của bà H;
- Hướng Tây giáp đường đi (đường lộ ấp).

[2] Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ đền bù cho bà Ngô Thị N giá trị phần đất tại vị trí mở lối đi là 8.400.000 đồng.

[3] Buộc bà Nguyễn Thị H tháo dỡ hàng rào xây gạch lửng <1m, trụ bê tông chôn (phía trên còn trống), mở lối đi cho bà Ngô Thị N trên phần đất có diện tích là 99,5m² thuộc thửa 268-1-1 thuộc một phần thửa đất số 268, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã T, huyện C tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất mở lối đi có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp phần đất của ông K và ông P;
- Hướng Nam giáp phần đất còn lại của bà H;
- Hướng Đông giáp phần đất của bà H2;
- Hướng Tây giáp phần đất của bà N.

Bà Nguyệt có trách nhiệm tự cải tạo, san lấp phần mương trên phần đất được mở lối đi để tạo lối đi thuận tiện.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

[4] Buộc bà Ngô Thị N có nghĩa vụ đền bù cho bà Nguyễn Thị H giá trị phần đất và tài sản trên đất tại vị trí mở lối đi là 103.363.200 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H, bà Ngô Thị N đối với phần diện tích làm lối đi, giới hạn chiều cao lối đi lên khoảng không tính từ mặt đất tự nhiên là 3m.

[6] Về chi phí tố tụng là 3.997.000 đồng bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[7] Về án phí dân sự:

[7.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị H và bà Ngô Thị N được miễn nộp.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006286 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

[7.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị H và bà Ngô Thị N được miễn nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng